

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17- 06 - 2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Đức Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hương Giang** và ông **Lê Xuân Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Mơ**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Khuất Thị Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2022 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Duy P**, sinh năm 1978; có mặt

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện Ph, Thành phố Hà Nội

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1979; có mặt

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện Ph, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản tự khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn là anh Nguyễn Duy P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 14/02/2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ph. Sau khi hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, chị H về sống chung cùng anh và gia đình tại xã T, huyện Ph khoảng 02 năm thì bố mẹ anh cho vợ chồng anh ra ở riêng. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến thời điểm chị H sinh con đầu lòng được khoảng 4- 5 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H ghen tuông, nghi ngờ anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nhưng thực tế không có. Chị H đã mang con về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh chán nản nên tháng 7 năm 2002 đã đi xuất khẩu lao động sang nước Malaixia. Tháng 9 năm 2004, anh về Việt Nam thì vợ chồng lại đoàn tụ và sinh con thứ hai. Tuy nhiên, vợ chồng sống chung

được hơn một năm thì lại xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do đến thời điểm đó, vợ chồng nảy sinh nhiều vấn đề không hợp nhau, không có tiếng nói chung về nhiều lĩnh vực trong gia đình cũng như cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến đầu năm 2007 anh đi xuất khẩu lao động sang nước Tiệp Khắc đến năm 2010 anh về Việt Nam nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện nên năm 2013, anh đã làm đơn ly hôn chị H, nhưng gia đình không đồng ý cho vợ chồng ly hôn nên anh lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động. Từ đó đến nay, anh và chị H không sống chung cùng nhau nữa, ly thân hoàn toàn. Những lần anh về Việt Nam thì đều ở nhà bố mẹ đẻ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Duy Phúc A, sinh ngày 15/11/2000 đã trưởng thành, khỏe mạnh và Nguyễn Duy Ph, sinh ngày 24/5/2005. Cháu Ph muốn ở cùng bố hoặc mẹ, anh đều đồng ý. Nếu cháu Ph ở cùng mẹ, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng anh không nợ ai.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như anh P đã trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng: Khi chị sinh con đầu lòng được khoảng 1 tuổi thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do lúc đó vợ chồng còn ít tuổi nên có một lần hai vợ chồng đi làm đồng đã xảy ra cãi nhau. Tối về nhà, anh P gọi bố mẹ anh P cùng một số ông bà trong gia đình đến mục đích gửi chị về nhà bố mẹ đẻ chị để dạy bảo thêm, nhưng không ai trong gia đình đồng ý. Vì vậy, anh P không cho chị vào nhà nên chị phải bế con về nhà bố mẹ đẻ ở 6 tháng. Sau đó anh P đến gọi chị về nên vợ chồng lại tiếp tục sống chung. Thời gian này, gia đình anh P cho anh P đi xuất khẩu lao động tại nước Malaixia và chị cũng đồng ý. Việc anh P đi xuất khẩu lao động không phải do mâu thuẫn vợ chồng mà do anh P có quan hệ với người phụ nữ khác ở nước ngoài. Những lần về Việt Nam, anh P không ở cùng vợ mà ở cùng bố mẹ đẻ. Vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay. Anh P không quan tâm hỏi han gì đến chị nhưng chị vẫn gọi điện, nhắn tin thì anh P không trả lời hoặc trả lời cộc cằn, thô lỗ. Chị vẫn còn tình cảm với anh P nên anh P xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Nguyễn Duy Phúc A, sinh ngày 15/11/2000 đã trưởng thành, khỏe mạnh và Nguyễn Duy Ph, sinh ngày 24/05/2005 hiện đang ở cùng mẹ.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng chị không nợ ai.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Duy P vẫn xin ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự là đúng pháp luật. Tòa án xác

định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho anh Nguyễn Duy P được ly hôn chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Cháu Nguyễn Duy Phúc A đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không xem xét. Giao cháu Nguyễn Duy Ph, sinh ngày 24/05/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận tự nguyện của anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan có thẩm quyền. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không giải quyết; Về nợ: Không có. Về án phí: Anh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Nguyễn Duy P có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang trú tại xã T, huyện Ph và quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng và đã giao các Văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được. Căn cứ Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy P và chị Nguyễn Thị H kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ph ngày 14/02/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Theo chị H, sau khi chị sinh con đầu lòng được khoảng 1 tuổi, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Anh P không cho chị vào nhà nên mẹ con chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở khoảng 6 tháng. Sau đó được gia đình hòa giải thì vợ chồng lại về sống chung cùng nhau. Tuy nhiên, chỉ được thời gian ngắn vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Theo anh P thì vợ chồng sống chung nhưng không tin tưởng nhau, chị H nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng thực tế không có nên vợ cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Chị H nghi ngờ anh P có quan hệ nam nữ bên ngoài nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Từ năm 2013 đến nay, vợ chồng sống ly thân hoàn toàn, không quan tâm gì nữa. Nay anh không còn tình cảm vợ chồng và xin ly hôn chị H. Chị H không đồng ý ly hôn.

Kết quả điều tra cho thấy: Thời gian anh P và chị H còn chung sống cùng nhà đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi nhau. Sau đó được gia đình hòa giải nhưng vợ chồng chỉ hạnh

phức thời gian ngăn lại tiếp tục mâu thuẫn. Đặc biệt từ năm 2013, vợ chồng đã sống ly thân hoàn toàn. Những lần anh P về Việt Nam đều không ở cùng chị H và không quan tâm, hỏi han gì nữa. Chị H khai còn tình cảm với anh P và không đồng ý ly hôn. Chị nhấn tin quan tâm anh P nhưng chỉ được nhận lại những từ cục cằn, thô lỗ. Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc phải được vun đắp của cả vợ và chồng. Từ năm 2013 đến nay, anh P và chị H sống ly thân hoàn toàn. Anh P không quan tâm gì đến chị H. Chị H quan tâm anh P nhưng không được đáp lại. Từ những căn cứ trên cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Duy P.

[3]. Về con chung: Anh P và chị H có 02 con chung là Nguyễn Duy Phúc A, sinh ngày 15/11/2000 và Nguyễn Duy Ph, sinh ngày 24/5/2005. Cháu Ph hiện đang ở cùng mẹ và nguyện vọng được tiếp tục ở cùng mẹ. Xét thấy, anh P không thường xuyên ở nhà nên việc chăm sóc con sẽ không bảo đảm bằng chị H. Vì vậy, giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu Ph là phù hợp hơn trong hoàn cảnh và điều kiện hiện tại. Chấp nhận tự nguyện của anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đồng.

Đối với con chung là Nguyễn Duy Phúc A đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Anh P và chị H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ: Anh P và chị H đều xác nhận vợ chồng không nợ ai nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Duy P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 26; Điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Duy P.

1.1. Anh Nguyễn Duy P được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy Ph, sinh ngày 24/5/2005 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) kể từ tháng 7/2022 đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ

quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

1.4. Về nợ: Không có.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Duy P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh P đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00040176 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph, Thành phố Hà Nội. Anh Nguyễn Duy P còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Hiếu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

